TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày: 11-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thủy;

2. Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Lăng Thị B (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 29 tháng 9 năm 1983 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lăng Đình T, sinh năm 1961 (đã chết) và bà Lương Thị N, sinh năm 1963 (đã chết); có chồng và 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2025 đến ngày 24/01/2025 thì áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Chị Triệu Thị L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Văn S, sinh năm 1997. Địa chỉ: Bản Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Chị Bùi Thị D. Vắng mặt.

2. Anh Đỗ Thành L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, bị cáo Lăng Thị B mở quán kinh doanh dịch vụ Karaoke lấy tên C ở thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp giấy phép kinh doanh theo quy định.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/01/2025, Đỗ Thành L và Vũ Văn S cùng nhau đến quán hát của bị cáo Lăng Thị B đặt 01 phòng hát, yêu cầu 02 nhân viên phục vụ và hát cùng. Lăng Thị B xếp Đỗ Thành L và Vũ Văn S vào phòng hát số 02 rồi bảo Triệu Thị L và Bùi Thị D - là nhân viên của quán đến phòng hát cùng khách. Trong khi hát, Đỗ Thành L và Vũ Văn S nảy sinh ý định quan hệ tình dục nên đặt vấn đề mua dâm với Triệu Thị L và Bùi Thị D; Triệu Thị L và Bùi Thị D bảo Đỗ Thành L và Vũ Văn S hỏi chủ quán đồng ý thì được. Hát đến khoảng 13 giờ 50 phút, Đỗ Thành L và Vũ Văn S ra quầy gặp Lăng Thị B; Đỗ Thành L đặt vấn đề muốn đi riêng với nhân viên và xin Lăng Thị B cho đưa Triệu Thị L và Bùi Thị D đi nhà nghỉ quan hệ tình dục. Lăng Thị B bảo hỏi nhân viên có đồng ý không, Đỗ Thành L và Vũ Văn S nói Triệu Thị L và Bùi Thị D đồng ý rồi. Lăng Thị B nói không được đưa ra ngoài, nếu muốn thì quan hệ tình dục tại phòng hát, Lăng Thị B lấy 500.000 đồng tiền phòng, còn tiền mua dâm tự thỏa thuận với nhân viên. Đỗ Thành L và Vũ Văn S đồng ý. Vũ Văn S chuyển khoản cho Lăng Thị B 1.500.000 đồng, để trả 500.000 đồng tiền phòng và đổi tiền mặt, Lăng Thị B đưa lại cho Vũ Văn S 1.000.000 đồng tiền mặt, Vũ Văn S đưa cho Đỗ Thành L 500.000 đồng. Sau đó, Đỗ Thành L và Vũ Văn S vào phòng nói với Triệu Thị L và Bùi Thị D là Lăng Thị B đã đồng ý cho quan hệ tình dục tại phòng hát; Triệu Thị L và Bùi Thị D yêu cầu 01 lần mua dâm mỗi người là 500.000 đồng, Đỗ Thành L và Vũ Văn S đồng ý. Đỗ Thành L đưa cho Triệu Thị L 500.000 đồng, còn Bùi Thị D bảo Vũ Văn S quan hệ tình dục xong mới lấy tiền. Triệu Thị L về phòng ngủ lấy 02 bao cao su vào phòng đặt lên bàn rồi Đỗ Thành L cùng Triệu Thị L, còn Vũ Văn S cùng Bùi Thị D thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Đến 14 giờ 15 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện H kiểm tra phát hiện.

Thu giữ tại bàn trong phòng hát số 02 hai bao cao su trong đó 01 chiếc đã qua sử dụng; Triệu Thị L và Vũ Văn S mỗi người tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng; Lăng Thị B giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 đã qua sử dụng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lăng Thị B, thu giữ trong két sắt số tiền 29.800.000 đồng; tại phòng ngủ của Triệu Thị L và Bùi Thị D thu giữ 06 chiếc bao cao su chưa sử dụng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Lăng Thị B đã chủ động nộp lại số tiền 500.000 đồng – là tiền bị cáo cho Đỗ Thành L và Vũ Văn S thuê phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm với Triệu Thị L và Bùi Thị D.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSHL ngày 19/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố Lăng Thị B về tội Chứa mại dâm, theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lăng Thị B phạm tội Chứa mại dâm.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lăng Thị B từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 500.000 đồng của Vũ Văn S; 500.000 đồng của Triệu Thị L và 500.000 đồng bị cáo Lăng Thị B giao nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Tịch thu tiêu hủy: 08 chiếc bao cao su trong đó 01 chiếc đã sử dụng, 07 chiếc chưa sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Lăng Thị B: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57; số tiền 29.800.000 đồng nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lăng Thị B trình bày đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Triệu Thị L, anh Vũ Văn S và những người làm chứng chị Bùi Thị D, anh Đỗ Thành L vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại gì đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy, các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lăng Thị B đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 20/01/2025, Lăng Thị B là chủ quán hát Karaoke C ở thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đã đồng ý cho Triệu Thị L và Bùi Thị D là nhân viên quán hát bán dâm cho Đỗ Thành L và Vũ Văn S tại phòng hát để hưởng lợi số tiền 500.000 đồng. Đến hồi 14 giờ 15 phút cùng ngày, Đỗ Thành L và Triệu Thị L, Vũ Văn S và Bùi Thị D đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì bị Công an huyện H kiểm tra phát hiện.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy rằng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đến thuần phong mỹ tục của dân tộc, trái đạo đức xã hội, nếp sống văn minh và sức khỏe con người. Mại dâm là tệ nạn xã hội cần phải bài trừ ra khỏi đời sống xã hội, tệ nạn này là một trong những nguyên nhân làm lan truyền các căn bệnh xã hội lây qua đường tình dục như HIV, giang mai,… Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích hám lợi, muốn thu lợi bất chính, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội Chứa mại dâm, theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[5] Để quyết định hình phạt, ngoài việc xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; chưa từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng) cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã chủ động nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội; quá trình sinh sống, bị cáo đã tích cực đóng góp, ủng hộ đầy đủ các loại quỹ, các phong trào do địa phương phát động, được chính quyền thôn Đ và Ủy ban nhân

dân xã Y xác nhận nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ (03 tình tiết) quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt chính: Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định gấp đôi thời gian thử thách cũng đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo, thu giữ trong két sắt số tiền 29.800.000 đồng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận số tiền này do bị cáo tích góp được mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có tài sản nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 500.000 đồng thu giữ của Vũ Văn S và 500.000 đồng thu giữ của Triệu Thị L là tiền liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật là mua bán dâm, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo Lăng Thị B giao nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 08 chiếc bao cao su trong đó 01 chiếc đã sử dụng, 07 chiếc chưa sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội, hoặc tuy không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng bị cáo không yêu cầu được trả lại, cũng không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, số tiền 29.800.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án.

[12] Đối với Đỗ Thành L, Vũ Văn S, Triệu Thị L, Bùi Thị D, công an huyện H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua dâm, bán dâm, theo quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp quy định của pháp luật.

[13] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 47, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Lăng Thị B phạm tội Chứa mại dâm.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lăng Thị B 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/4/2025.

- Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lăng Thị B cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 500.000 đồng của Vũ Văn S, 500.000 đồng của Triệu Thị L giao nộp ngày 20/01/2025 và 500.000 đồng bị cáo Lăng Thị B giao nộp ngày 20/3/2025 trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Tịch thu tiêu hủy: 06 (sáu) chiếc bao cao su nhãn hiệu HA chưa qua sử dụng; 01 (một) phong bì thư niêm phong bên ngoài có dòng chữ viết tay "Bao cao su thu giữ tại bàn bên trong phòng hát số 2", bên trong có 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su đã xé nhãn hiệu HA, 01 bao cao su nhãn hiệu HA chưa qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Lăng Thị B: 01 (một) phong bì thư niêm phong bên ngoài có dòng chữ viết tay "Điện thoại của Lăng Thị B" bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, số IMEI 1: 863002067778334; IMEI 2: 863002068888326, bên trong máy lắp 01 sim mạng Viettel số 0369.015.769, điện thoại cũ, đã qua sử dụng; Số tiền 29.800.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(*Chi tiết theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng và Ủy nhiệm chi lập cùng ngày 27/02/2025*).

4. Về án phí: Bị cáo Lăng Thị B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt